TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2017/HSST
Ngày 15-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Bà Bùi Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hải , Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 198/2017/HSST ngày 11 tháng 7 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2017/HSST-QĐ ngày 01/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 1969 tại tỉnh Thái Bình; thường trú: Khu phố Đ 4, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn H (đã chết) và con bà Tô Thị S, sinh năm 1930; bị cáo có 5 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1956, nhỏ sinh năm 1974; có vợ Phạm Thị Lệ L, sinh năm 1979 và có 04 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 20/02/2017, có mặt.

2. Phạm Đức M, sinh năm 1982 tại tỉnh Nam Định; thường trú: Khu phố Đ 4, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông Phạm Văn B, sinh năm 1957 và con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960; bị cáo có 2 em ruột, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1987; có vợ Lê Kiều N, sinh năm 1986 và có 01 con, sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 20/02/2017, có mặt.

3. Nguyễn Duy H, sinh năm 1971 tại tỉnh Bắc Ninh; thường trú: Đường 10, khu phố 3, phường X, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn

Duy H1, sinh năm 1937 và con bà Nguyễn Thị C (đã chết); bị cáo có 5 anh, chị em ruột, lớn sinh năm 1957, nhỏ sinh năm 1974; có vợ Nguyễn Thị Nhã U, sinh năm 1975 và 03 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 14/02/2017, có mặt.

4. Đậu Tuấn A, sinh năm 1986 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Thôn 4 xã V, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Khu phố C, phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông Đậu Xuân H, sinh năm 1950 và con bà Phan Thị T, sinh năm 1950; bị cáo có 2 anh chị, lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1979; có vợ Nguyễn Thị V, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 20/02/2017, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ ngày 11/02/2017, các bị cáo Phạm Đức M, Đậu Tuấn A, Nguyễn Duy H đến nhà bị cáo Phạm Văn T chúc tết, sau đó các bị cáo rủ nhau chơi đánh bài phỏm tính điểm thắng thua bằng tiền, cách thức chơi, cả nhóm sử dụng bộ bài tây 52 lá bài chia mỗi người 9 lá bài (người chia bài đầu tiên sẽ được chia 10 lá bài, khi chơi người về nhất được chia bài và được chia 10 lá bài), số bài còn lại sẽ úp xuống dưới để khi chơi mọi người rút bài lên. Tùy theo những lá bài người chơi được chia cầm trên tay, người chơi có quyền ăn lá bài của người kế tiếp đánh ra, hoặc rút lá bài ở phía dưới lên. Sau đó sẽ tính bài có phỏm (3 lá bài giống số hoặc 3 lá bài giống chất liên tiếp nhau) trừ ra, số bài còn lại sẽ cộng điểm ai ít điểm nhất thì người đó thắng. Người thắng sẽ được người về nhì chung 100.000đồng, người về ba chung 200.000đồng và người về chót chung 300.000đồng, người nào có 3 phỏm (ù) thì 3 người còn lại chung mỗi người 500.000đồng, người nào cháy (không có phỏm) phải chung cho người về nhất 300.000đồng, người nào ù phải bỏ ra 100.000đồng tiền xâu và để trong hộp sắt để T sử dụng mua nước uống cho cả nhóm. Tất cả chơi đến 20 giờ cùng ngày Công an thị xã K lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ:

Tiền trên chiếu bạc 9.300.000đồng; 01 hộp sắt trong có số tiền 1.000.000đồng; 03 bộ bài tây; 01 cái bàn; 04 ghế khung bằng sắt; 01 tấm vải; 7.500.000đồng xung quanh chiếu bạc. Tiền thu trên người bị cáo M sử dụng đánh bạc 9.000.000đồng.

Số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc:

+ Phạm Văn T sử dụng 4.700.000đồng, khi đánh bạc T thắng 300.000đồng, thu giữ 5.000.000đồng tiền trên chiếu bạc, 1.000.000đồng tiền xâu (để trong hộp sắt).

+ Phạm Đức M sử dụng 9.000.000đồng, khi chơi M thắng 5.000.000đồng, thu giữ 4.000.000đồng tiền trên chiếu bạc, thu giữ trên người 9.000.000đồng.

+ Đậu Tuấn A sử dụng 3.600.000đồng, khi chơi A thua 3.500.000đồng, thu trên chiếu bạc 100.000đồng.

+ Nguyễn Duy H sử dụng 2.000.000đồng, khi chơi H thua 1.800.000đồng, thu giữ trên chiếu bạc 200.000đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc 19.300.000đồng.

Các bị cáo T, M, A và H thừa nhận việc đánh bạc thắng thua bằng tiền vào ngày 11/2/2017 tại nhà bị cáo T. Các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về việc thu giữ vật chứng gồm tiền, bài, bàn, ghế, tấm vải, hộp sắt thu giữ trong quá trình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cũng như số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc.

Cáo trạng số 202/QĐ/KSĐT ngày 10/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Đức M, Đậu Tuấn A, Nguyễn Duy H về tội Đánh bạc theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Đức M từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng; bị cáo Nguyễn Duy H, Đậu Tuấn A từ 10.000.000đồng đến 12.000.000đồng.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ nhà nước 26.800.000đồng; tịch thu tiêu hủy 3 bộ bài, 01 hộp sắt, 01 tấm vải; trả lại cho bị cáo T 01 bàn, 04 ghế.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Phạm Văn T, Phạm Đức M, Nguyễn Duy H và Đậu Tuấn A xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Đức M, Nguyễn Duy H, Đậu Tuấn A thừa nhận việc các bị cáo chơi đánh bạc bằng hình thức chơi bài phỏm thắng thua bằng tiền vào ngày 11/02/2017 tại nhà bị cáo Phạm Văn T. Bị cáo T sử dụng 4.700.000đồng, bị cáo M sử dụng 9.000.000đồng, bị cáo H sử

dụng 2.000.000đồng và bị cáo A sử dụng 3.600.000đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc 19.300.000đồng.

Tại Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Như vậy, hành vi sử dụng số tiền 19.300.000đồng vào việc đánh bạc thắng thua bằng tiền của các bị cáo T, M, H, Tuấn A đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Bản cáo trạng số 202/QĐ-KSĐT ngày 10/7/2017 của Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Đức M, Nguyễn Duy H, Đậu Tuấn A là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện phạm tội một cách cố ý. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi trên đã xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng tại địa phương. Hiện nay, tình trạng đánh bạc trái pháp luật vẫn còn diễn biến phức tạp trong cộng đồng dân cư, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa của nhân dân, trật tự văn minh của xã hội. Đánh bạc được xem là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm hình sự khác. Do vậy, hành vi trên của các bị cáo phải được xét xử nghiêm mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên cũng xem xét các bị cáo có những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân như sau để có mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có .

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Tuấn A có cha, mẹ là ông Đậu Xuân H, bà Phan Thị T được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang và Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Nguyễn Duy H có mẹ ruột được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng hai. Các tình tiết trên được quy định tại Điểm h, p Khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T, M và H có nhân thân tốt, thể hiện việc các bị cáo có nghề nghiệp ổn định, các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Tuấn A có nhân thân xấu thể hiện ngày 19/3/2008 bị Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội Cướp giật tài sản, thời gian thử thách 51 tháng 10 ngày. Ngày 27/6/2014 bị tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương xử phạt 5.000.000đồng về tội Đánh bạc. Mặc dù bị cáo

được xóa án tích nhưng sau đó bị cáo lại phạm tội đánh bạc, thể hiện sự không hướng thiện của bản thân cũng như việc chấp hành pháp luật.

Bị cáo T, M, H và Tuấn A phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và xử phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét các bị cáo đều là thành phần lao động chính trong gia đình, có thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định khấu trừ một phần thu nhập, khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo theo Khoản 3 Điều 31 Bộ luật Hình sự.

[4] Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ tiền trên chiếu bạc 9.300.000đồng, 01 hộp sắt trong có số tiền 1.000.000đồng, 03 bộ bài tây, 01 cái bàn, 04 ghế khung bằng sắt, 01 tấm vải, 9.000.000đồng bị cáo M sử dụng vào việc đánh bạc. Số tiền trên liên quan, sử dụng vào việc đánh bạc, do vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 bàn, 04 ghế khung bằng sắt. Đây là tài sản của gia đình bị cáo T sử dụng hàng ngày, cần tuyên trả cho bị cáo T. Đối với số tiền 7.500.000đồng thu xung quanh chiếu bạc, do không xác định ai là chủ sở hữu. Do vậy, tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với hộp sắt, tấm vải, 3 bộ bài 52 lá sử dụng vào việc đánh bạc. Không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn do không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo, các bị cáo tham gia với vai trò người thực hành. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc, nhân thân từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, việc xử lý vật chứng. Quan điểm trên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, do vậy được chấp nhận. Riêng mức hình phạt đối với các bị cáo, xét thấy hiện nay trên địa bàn thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc xảy ra nhiều, có diễn biến phức tạp, ảnh hưởng trật tự trị an địa phương. Do vậy, cần xử phạt cải tạo không giam giữ và áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo để mang tính giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo T, M H và Tuấn A phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Đức M, Nguyễn Duy H và Đậu Tuấn A phạm tội Đánh bạc.

1.1 Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 248, Điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 1, 2 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (chín) ngày tương đương 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

1.2 Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 248, Điểm h, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 1, 2 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức M 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (chín) ngày tương đương 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Đức M cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bổ sung bị cáo Phạm Đức M số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng).

1.3 Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, 2 Điều 46, Khoản 1, 2 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Đậu Tuấn A 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (chín) ngày tương đương 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đậu Tuấn A cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bổ sung bị cáo Đậu Tuấn A số tiền 12.000.000đồng (mười hai triệu đồng).

1.4 Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1, 2 Điều 46, Khoản 1, 2 Điều 31 và Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 (ba) ngày tương đương 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban

nhân dân phường X, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Duy H cho Ủy ban nhân dân phường X, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Duy H số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

2. Về vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 74; Khoản 1, Điểm a, b Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây, 01 tấm vải, 01 hộp sắt.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 26.800.000đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 bàn nhựa, 04 ghế khung bằng sắt. Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/7/2017; biên lai thu tiền số 00419 ngày 11/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Đức M, Nguyễn Duy H và Đậu Tuấn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (01)
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Linh